

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày 17/3/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa

Bà Dương Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:***  
Bà Đào Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

**Vũ Trọng D**, sinh năm 1973 tại: xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn 2, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng D và bà Vũ Thị B (đều đã chết); Gia đình có 8 anh, chị em, bị cáo là con thứ 8; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62 ngày 07/9/2004, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt Vũ Trọng D 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, D đã chấp hành xong bản án.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2014/HSST ngày 14/3/2014, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt Vũ Trọng D 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", D đã chấp hành xong bản án.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24 ngày 04/7/2017, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt Vũ Trọng D 07 tháng tù về tội "Đánh bạc", 3.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, D đã chấp hành xong bản án; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2020 chuyển tạm giam ngày

14/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.  
(Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đoàn Văn H – Luật sư Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi liên quan:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 2 xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 2 xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Đàm Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu N, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 05/5/2020, Vũ Trọng D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, biển kiểm soát 34B4- 477.77 (*là tài sản chung của D và vợ là chị Nguyễn Thị T*) từ nhà D đến khu vực chợ M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương gặp một người thanh niên mục đích đến nhận vận chuyển ma túy thuê cho đối tượng tên T1 (*là bạn quen biết từ trước của D*) ở cầu R, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi đến cổng chợ M, D gặp một nam thanh niên đứng chờ sẵn vẫy D và hỏi D "*nhận đồ cho T1 à*" thì D trả lời "*ừ*". Nam thanh niên này xuống xe đi bộ vào trong ngõ, D dựng xe ở đầu ngõ và đi bộ theo nam thanh niên này vào trong ngõ được khoảng 05 mét thì nam thanh niên này chỉ cho D túi ma túy để ở trên đường bê tông sát bờ tường. Sau đó nam thanh niên này bỏ đi, còn D tiếp tục đi vào trong ngõ khoảng 20 mét thì thấy một túi nilon màu đen, D nhặt túi nilon dựng ma túy rồi cầm trên tay đi bộ ra chỗ dựng xe mô tô để mang ma túy về giao cho T1, khi ra đến đầu ngõ thì thấy lực lượng Công an nên D đã vứt túi ma túy xuống đường ngay sát chỗ D đứng. Công an đã thu giữ túi ma túy trên, mở túi nilon đen thấy bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước (10x10)cm trên mặt túi có chữ "*Naturenz, cho lá gan khỏe, DHGPHARMA*", bên trong có chứa cục chất bột màu trắng. D khai đây là túi ma túy mà T1 bảo D vận chuyển thuê.

Tại Kết luận giám định số 211/KLGD-PC09 ngày 08/5/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất bột (*dạng cục*) màu trắng niêm phong trong phong bì ghi thu của Vũ Trọng D gửi đến giám định có khối lượng là 31,242 gam (*Ba mươi một phẩy hai trăm bốn mươi hai gam*) là ma túy loại Heroine. Hoàn lại sau giám định 30,832 gam Heroine.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS-P1 ngày 28/01/2021, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Trọng D về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS).

**Tại phiên tòa:**

- Bị cáo Vũ Trọng D khai nhận: Do muốn vay tiền của T1 nên khi T1 nhờ D đi lấy đồ, D biết là ma túy nhưng vẫn đồng ý và đi lấy ma túy tại địa điểm T1 hướng dẫn. Bị cáo đồng ý tội danh như Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất. Về vật chứng thì chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng vận chuyển ma túy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, chiếc điện thoại là của con gái bị cáo, vợ và con bị cáo đều không biết bị cáo sử dụng xe và điện thoại để phạm tội. Ngoài ma túy, 01 điện thoại OPPO, 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy đăng ký xe, 01 xe mô tô thì bị cáo còn bị cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại loại đen trắng; 02 nhẫn vàng; 01 lắc tay vàng; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank và được niêm phong cùng các đồ vật khác. Bị cáo đề nghị Tòa án ghi rõ lời khai của bị cáo để sau này cơ quan điều tra trả lại các đồ vật trên cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo - Luật sư Đoàn Văn H trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh VKS truy tố cũng như điều luật áp dụng và xử lý vật chứng. Tuy nhiên về mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là cao, vì khối lượng ma túy bị cáo vận chuyển chỉ trên mức khởi điểm tại khoản 3 Điều 250 BLHS nên đề nghị HĐXX xem xét, xử bị cáo ở mức 15 năm 06 tháng tù.

- Người có quyền lợi liên quan là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chiếc xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 34B4 -477.77 là tài sản chung của chị và bị cáo D, chị không biết bị cáo D dùng xe để vận chuyển ma túy, đề nghị được nhận lại chiếc xe. Về các đồ vật như điện thoại đen trắng, nhẫn và lắc vàng, thẻ ngân hàng ATM bị cáo D trình bày đúng là tài sản bị cáo D có, trong giai đoạn điều tra chị được cơ quan điều tra trả 01 thẻ ngân hàng ATM, ngoài ra không được nhận lại đồ vật nào khác.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương sau khi phân tích các tình tiết vụ án, giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vũ Trọng D phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo Vũ Trọng D từ 16 năm đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2020. Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định và 02 sim điện thoại; xe máy là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, là tài sản chung của bị cáo và chị T nên đề nghị tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà

nước ½ giá trị, trả lại ½ giá trị cho chị T; 01 điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu, phát mai sung quỹ nhà nước; 01 giấy phép lái xe và 01 đăng ký xe không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn ban đầu, Vũ Trọng D khai bị cáo vận chuyển ma túy cho đối tượng tên T1 với mục đích vay tiền của T1. Sau đó bị cáo khai do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo mua ma túy của đối tượng tên T1 với giá 34 triệu đồng, trong đó 20 triệu đồng bị cáo vay của người bạn tên T2, sinh năm 1973; địa chỉ ở khu 1 thị trấn I, tỉnh Gia Lai, nhờ chuyển tiền vào tài khoản của anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1984; địa chỉ ở thôn V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Tuy nhiên qua xác minh thì tại khu 1 thị trấn I, tỉnh Gia Lai không có người nào tên T2, sinh năm 1973; số điện thoại của T2 do D cung cấp (0339877443) được xác minh chủ thuê bao là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ ở thôn C 1, thị trấn I, tỉnh Gia Lai. Chị L khai có đăng ký số thuê bao 0339877443 vào đầu năm 2019 và sử dụng khoảng 01-02 tháng thì bị mất, L không biết ai là T2, sinh năm 1973 ở khu 1 thị trấn I, tỉnh Gia Lai, không có quan hệ gì với D và cũng chưa bao giờ cho D vay tiền. Anh N khai ngày 05/5/2020 D có gọi điện thoại hỏi vay tiền anh N nhưng anh N không đồng ý, anh N không gặp D và cũng không sử dụng tài khoản của ngân hàng nào. Do đó bị cáo khai bị cáo mua ma túy của T1 là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định bị cáo không mua ma túy của T1 mà vận chuyển ma túy giúp T1 để được T1 cho vay tiền. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ thì có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 19 giờ 45 phút ngày 05/5/2020, tại đường 392 khu chợ M thuộc thôn Ô, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang Vũ Trọng D có hành vi cất giấu trái phép 31,242 gam ma túy loại Heroine đựng

trong 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, vỏ ngoài túi có dòng chữ "*Naturenz, cho lá gan khỏe, DHG PHARMA*", mục đích vận chuyển thuê cho người khác để được hưởng tiền công.

Heroine là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT: 9, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo vận chuyển 31,242 gam ma túy loại Heroine nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 250 BLHS. Như vậy VKS tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong giai đoạn điều tra bị cáo khai báo chưa thật sự trung thực, còn thay đổi lời khai về hành vi phạm tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc vận chuyển chất ma túy với tổng khối lượng 31,242 gam loại Heroine. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về nhiều tội khác nhau trong đó có tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS.

- 30,832 gam Heroine là vật cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, có gắn 02 sim Viettel có Imei sim là 8984048841001875621 và 8984048000074035270 của Vũ Trọng D. Bị cáo trình bày chiếc điện thoại là của con gái bị cáo nhưng Vũ Thị H (con gái bị cáo) xác định chiếc điện thoại OPPO do chị mua cho bị cáo D năm 2019 và là tài sản của bị cáo D. Bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, biển kiểm soát 34B4-477.77 (có chìa khóa) là tài sản chung của Vũ Trọng D và vợ là chị Nguyễn Thị

T; chị T không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe, phần giá trị còn lại trả cho chị T.

- 01 01 Giấy đăng ký xe máy số 299833 mang tên Vũ Trọng D của xe 34B4 -477.77 tiếp tục quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương để đảm bảo thi hành án.

- 01 Giấy phép lái xe số 300126668479 mang tên Vũ Trọng D không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho Vũ Trọng D.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày trong quá trình điều tra còn bị thu giữ 01 điện thoại loại đen trắng, 02 nhẫn vàng, 01 lắc tay vàng, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank thì thấy: 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank chị T xác định đã được cơ quan điều tra trả lại; tại biên bản bắt người phạm tội quả tang thì vật chứng thu giữ chỉ bao gồm 01 túi nilong bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 34B4-477.77; 01 đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Vũ Trọng D; 01 điện thoại OPPO có sim và pin kèm theo, ngoài ra không thu giữ tài liệu, đồ vật nào khác. Việc thu giữ và niêm phong tài liệu, đồ vật có sự chứng kiến của anh Phạm Văn T, Đàm Văn H, Kiều Văn D1 (là người làm chứng và chứng kiến trong vụ án), bản thân bị cáo D cũng đã ký tên xác nhận biên bản. Do đó bị cáo trình bày còn bị thu giữ 01 điện thoại đen trắng, 02 nhẫn vàng, 01 lắc tay vàng là không có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra đã xác định được nhân thân của người đăng ký thuê bao số điện thoại 0336.221.657 mà D khai là số điện thoại của người tên T1 thuê D vận chuyển ma túy đứng tên chủ thuê bao là anh Cao Phương K, sinh năm 1983, trú tại: số 2/14 phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên quá trình điều tra không có chứng cứ chứng minh anh Khánh đăng ký và sử dụng số thuê bao trên nên không có căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với người tên T2 có số điện thoại 0339.877.443: Theo D khai có vay số tiền 20 triệu đồng của chị T2, sinh năm 1973 ở khu 1, thị trấn K, huyện I, tỉnh Gia Lai để mua ma túy. Xác minh tại địa chỉ trên không có người nào tên T2, sinh năm 1973. Xác minh đối với chủ thuê bao 0339.877.443 thì chủ thuê bao là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971, cư trú tại thôn C 1, thị trấn K, huyện I, tỉnh Gia Lai, chị L khai đã bị mất số điện thoại trên vào khoảng đầu năm 2019, chị L không quen biết với D và không cho D vay tiền nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

- Đối với anh Nguyễn Tiến N: D khai có nhờ chị T2 chuyển tiền qua tài khoản của anh N và nhờ anh N rút tiền giúp D, nhưng anh N khai không gặp D

ngày 05/5/2020 và cũng không có số tài khoản nào nên không có căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với anh Vũ Đình T1, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập lấy lời khai của anh T1 nhưng không có chứng cứ chứng minh T1 thuê D vận chuyển ma túy hoặc bán ma túy cho D, không xác định được người thanh niên giao ma túy cho D nên không có căn cứ xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về áp dụng pháp luật:** Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**2. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Vũ Trọng D phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

**3. Hình phạt chính:** Xử phạt bị cáo Vũ Trọng D **16 (Mười sáu)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/5/2020.

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS.

- Tịch thu, tiêu hủy 30,832 gam Heroine chứa bên trong 01 phong bì niêm phong số 211/KLGD-PC09 Phòng kỹ thuật công an tỉnh Hải Dương, mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen có gắn 02 sim Viettel có Imei sim là 8984048841001875621; 8984048000074035270.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, biển kiểm soát 34B4 -477.77 (có chìa khóa), ½ giá trị còn lại trả cho chị Nguyễn Thị T.

- Tiếp tục quản lý 01 Giấy đăng ký xe máy số 299833 mang tên Vũ Trọng D của xe 34B4 -477.77 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho Vũ Trọng D 01 Giấy phép lái xe số 300126668479 mang tên Vũ Trọng D.

*(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 01/02/2021).*

**5. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Trọng D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS - CA tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo (tạm giam);
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Chất**